

Bản án số: 08/2021/DSST

Ngày: 25/3/2021

V/v: TrAh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quảng Thái, bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu TrAg, thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2020, về “TrAh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm A Thái xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN

Bị đơn: bà Ngô Thị A, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 6, phường Túc Duyên, thành phố TN, tỉnh Tn

Người làm chứng: bà Hoàng Ah Đào, sinh năm 19 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TN, tỉnh Tn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Ngô Thị Thu C trình bày:

Ngày 08/10/2018 tôi với bà Ngô Thị A, sinh năm 1968 trú tại tổ 6, phường Túc Duyên đã ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Trương Minh tỉnh TN.

Tại Hợp đồng vay tiền tôi đã cho bà Ngô Thị A vay số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay tiền là 180 ngày, lãi suất theo thỏa thuận được Công chứng viên Trương Văn Minh chứng thực. Sau khi ký hợp đồng tôi đã giao cho bà Ngô Thị A số tiền 150.000.000 đồng có sự chứng kiến của người làm chứng là bà Hoàng Ah Đào ở tổ 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Do thời hạn đã hết bà A không trả tiền tôi đến đòi nhiều lần vẫn không trả

Nay tôi đề nghị Tòa giải quyết buộc bà A trả cho tôi số tiền là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà A. Song bà A vẫn không chấp hành và có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án do bà C yêu cầu khởi kiện, vì vậy phải đ- a ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Người làm chứng bà Hoàng Ah Đào trình bày: Ngày 08/10/2018 tôi đưa bà Ngô Thị A, sinh năm 1968, trú tại tổ 6, phường Túc Duyên đến ký Hợp đồng vay tiền với bà Ngô Thị Thu C tại Văn phòng Công chứng Trương Minh tỉnh TN. Tại đây tôi chứng kiến việc bà C đã giao cho bà Ngô Thị A vay số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quA điểm yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Ngô Thị A trả cho bà Ngô Thị Thu C số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Thu C khởi kiện bà Ngô Thị A phải trả nợ số tiền là 150.000.000 đồng nên xác định quA hệ pháp luật trAh chấp là “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26. Khi trAh chấp bị đơn bà Ngô Thị A có nơi cư trú tại tổ 6, phường Túc Duyên, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà A.

[2]. Về nội dung trAh chấp Hội đồng xét xử nhận xét:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2018 tại Văn phòng Công chứng Trương Minh tỉnh TN bà Nguyễn Thị Thu C với bà Ngô Thị A, sinh năm 1968 trú tại tổ 6, phường Túc Duyên đã ký Hợp đồng vay số tiền 150.000.000 đồng. Việc giao tiền giữa bà C cho bà A có sự chứng kiến của bà Hoàng Ah Đào là bạn của bà A. Tại phiên tòa bà Đào vẫn khẳng định việc vay tiền trên là đúng sự thật. Hội

đồng xét xử xét thấy việc bà C cho bà A vay 150.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà C buộc bà A phải trả cho bà C số tiền nợ này.

Về số tiền lãi trong Hợp đồng Tòa án đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị cung cấp mức lãi suất, Ngân hàng đã có văn bản trả lời, vì vậy mức lãi suất được áp dụng theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Cụ thể được tính như sau:

Từ ngày vay 08/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/3/2021 được 29 tháng, 17 ngày.

- 150.000.000 đồng x 29 tháng x 0,75% /tháng = 32.625.000 đồng;

- 150.000.000 đồng x 17 ngày x 0,75% /tháng = 637.500 đồng

Tổng cộng 150.000.000 đồng gốc + 33.262.500 đồng lãi = 183.262.500 đồng.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: bà Ngô Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Thu C tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, 146, 147, 227, 266, 271, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 464, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C về khởi kiện trả chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Ngô Thị A

Buộc bà Ngô Thị A có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu C số tiền 150.000.000 đồng gốc + 33.262.500 đồng lãi = Tổng cộng 183.262.500 đồng.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ngô Thị Thu C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ngô Thị A không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: bà Ngô Thị A phải nộp 9.163.125 đồng (Chín triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm hai mươi năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước;

Hoàn trả bà Ngô Thị Thu C 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số: 0003720 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN;

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Huy Hưởng

